

# GIỚI THIỆU EBOOK GIAI ĐOẠN 1975-2000

HERER

# Quý bạn đọc thân mến!

EBOOK giai đoạn 1975-2000 này là kết quả sau nhiều năm làm sách theo yêu cầu độc giả của Phòng đọc-Thư viện Huệ Quang. EBOOK này có vài khác biệt với EBOOK trước 1975:

- Không có dòng sách ảnh ấn phát hành,
  chỉ in 1-2 bản khi bạn đọc cần tư liệu.
- Sử dụng file đã xử lý và thay nền thay vì sử dụng file gốc, giữ nguyên nền như EBOOK trước 1975. Xử lý và thay nền vì sách ở giai đoạn này có chữ in và nền giấy khá xấu. Quá trình xử lý file có thể vô tình tác động đến tính nguyên bản chút ít, nhưng nếu làm như EBOOK trước 1975 thì rất khó đọc. Hơn nữa, sách ở giai đoạn này vẫn còn có thể tìm được, nên yêu cầu về tính tuyệt đối của nguyên bản cũng nên uyển chuyển.
- Ngoài ra: tuy gọi là EBOOK 1975-2000, nhưng thỉnh thoảng vẫn có nhiều sách trước và sau giai đoạn này được làm theo tiêu chuẩn của Phòng đọc (thấp hơn tiêu chuẩn Phòng Chế bản, có sách ảnh ấn). Những sách từ năm 2001 về sau, tuy có làm cho bạn đọc,



nhưng sẽ không làm EBOOK đưa lên website, vì e ngại ảnh hưởng đến tác quyền.

HERER

Thư viện rất mong quý tác giả/ dịch giả, nhà xuất bản và các cơ quan chủ quản có sách in giai đoạn 1975-2000 hoan hỷ với chủ trương đăng tải EBOOK này của Thư viện. Nếu nhận thấy có sự tổn hại hoặc điều gì chưa thể cảm thông, kính mong quý vị sớm cho chúng tôi biết, để kịp thời tháo gỡ.

Giả như, bạn đọc chưa quen với việc đọc trên EBOOK, thì cũng có thể liên hệ đến Phòng đọc nhờ in thành sách để tiện sử dụng. Tuy nhiên, mục đích của việc in ấn này là để phục vụ cho việc nghiên cứu/ học tập, nên chỉ có thể in giới hạn từ 1-2 bản, và sách sẽ được may thủ công.

### Để được hỗ trơ, vui lòng liên hệ:

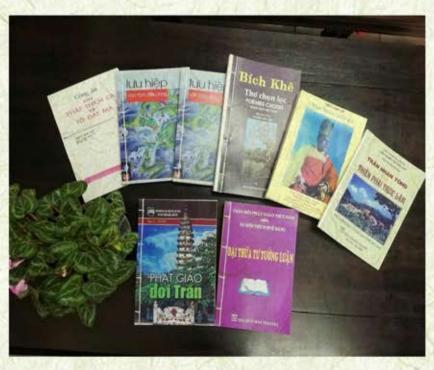
- Phòng đọc Thư viện Huệ Quang Số điện thoại: 0376429465
   Website: thuvienhuequang.vn
   Fanpage Thư viện Huệ Quang
- Hoặc đến trực tiếp Phòng đọc tại Lầu 2, Tu Viện Huệ Quang, số 116, đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. HCM.

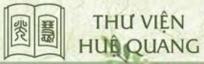
Thư viện Huệ Quang năm thứ 15 Sài Gòn, mùa thu năm Tân Sửu, 2021 Ban Quản Trị



Hình ảnh sách giai đoạn 1975-2000 được may thủ công:







### Thích Phước Cẩn

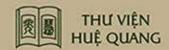


Phật lịch 2547 - 2003

# CÁCH ĐỌC PHIÊN THIẾT THEO ÂM HÁN VIỆT

Thích Phước Cẩn biên soạn

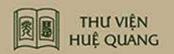
Phật lịch 2548 - 2004







- I- Sơ lược về nguồn gốc phiên thiết
- II- Phương pháp phiên thiết
  - 1- Định nghĩa
    - 1<sub>1</sub>- Các định nghĩa của người trước
    - 12- Định nghĩa của bút giả
  - 2- Phiên thiết có âm khởi đầu là phụ âm
    - 2,- Cách đọc âm
    - 22- Cách đọc thanh điệu
    - 23- Công thức bỏ dấu cho chữ cần tìm ra cách đọc
    - 24- Thực hành
  - 3- Phiên thiết có âm khởi đầu là nguyên âm
    - 31- Những chữ tìm ra âm thuộc loại thanh bình
    - 32- Những chữ tìm ra âm thuộc loại thanh thượng
    - 33- Những chữ tìm ra âm thuộc loại thanh khứ
    - 34- Nhữngchữ tìm ra âm thuộc loại thanh nhập
- 4- Những cách chú âm khác trong Khang Hi Từ Điển, Từ Nguyên, Từ hải
  - 41- Âm (音): dùng chữ đồng âm để chú âm một chữ khác
  - 4<sub>2</sub>- Độc như (寶如) độc nhược (寶若): dùng tiếng gần giống để chú âm một chữ khác
  - 43- Dùng một chữ đã biết rồi đọc ra một âm khác
- III- Những quy tắc chính tả khi ghi chữ phiên thiết bằng chữ Việt
- 1- Chuyển đổi phụ âm đầu
  - 1<sub>1</sub>- Với âm đầu là /K/
  - 12- Với âm đầu là #t/l
  - 1<sub>3</sub>- Với âm đầu là /ŋ/



- 2- Chuyển đổi âm điệm
  - 2,- Chuyển ›Uc thành ›Oc
  - 22- Chuyển Oc Thành Uc
- 3- Chuyển đổi âm chính
  - 31- Chuyển sk thành sYc
  - 32- Chuyển >Yc thành >lc
- 4- Chuyển đổi âm cuối
  - 41- Chuyển Mc thành Pc
  - 42-Chuyển No thành To
  - 43- Chuyển ›NH‹ thành ›CH‹
  - 44- Chuyển ›NG‹ thành ›C‹
- IV- Những điểm cần lưu ý khi phiên thiết

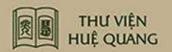
### I- SƠ LƯỢC VỀ NGUỒN GỐC PHIÊN THIẾT

Chữ Hán là một thứ chữ do người Trung Quốc sáng tạo, rồi dần dần trở thành một thứ văn tự chung cho một số dân tộc ở vùng Đông Nam Á như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam. Trong nhiều thế kỉ, ở các nước này, chữ Hán đã được xem như là một thứ văn tự chính thống, đem dùng vào việc giảng dạy, thi cử, hành chánh, sáng tác văn học.

Tùy từng vùng từng xứ mà tiếng Hán được phát âm khác nhau, ngay tại Trung Quốc cũng có nhiều giọng đọc khác nhau, như tiếng Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Bắc Kinh. Các nước lân cận như Triều Tiên có cách đọc riêng của người Triều Tiên, gọi là Hán Triều (漢朝); người Nhật có cách đọc riêng của người Nhật, gọi là Hán Hòa (漢和); người Việt Nam có cách đọc riêng của mình, gọi là Hán Việt (漢越).

Chữ Hán là một loại chữ biểu ý, không phải là loại chữ biểu âm nên không thể nhìn vào mặt chữ mà đọc được. Thế thì người Trung Quốc dùng cách nào để đọc được thứ chữ ấy? Từ thời Đông Hán (東漢, 25-225 TL) trở về trước, người Trung Quốc đã dùng hai lối chú âm: Trực âm (直音) và độc nhược (讀若). Trực âm là lối dùng chữ đồng âm để trực tiếp chú âm cho một chữ khác. Độc nhược còn gọi là độc như (讀如) hay độc vi (讀為) là lối dùng chữ có âm gần giống để chú âm cho một chữ khác. Tuy nhiên, cả hai lối chú âm này đều có điểm hạn chế: trực âm không chú âm được những chữ không đồng âm, độc nhược chú âm không chính xác. Vì thế, thời Đông Hán đã có phép phiên thiết (反切).

Trước khi có phép phiên thiết, thời Xuân Thu (春秋, 722-



479 trước TL) người ta biết kết hợp hai âm lại làm một như:

不可一叵一phả

何不一盍 — hạp

而已一耳—nhĩ

之於—諸 — chu

之歟一諸 — chu

Phương pháp phiên thiết là một bước tiến rất lớn so với lối chú âm như trực âm, độc nhược, độc như hay độc vi.

Ở đây, chúng ta chỉ bàn đến cách đọc chữ Hán theo âm Hán Việt, tức là lối đọc riêng của người Việt. Chủ yếu là dựa theo phép phiên thiết trong các văn tự và từ điển Trung Quốc như: Khang Hi Tự Điển (康熙字典), Trung Hoa đại tự điển (中華大字典), Từ Nguyên (辭源), Từ Hải (辭海), Trung Văn Đại Từ Điển (中文大辭典), Hán Ngữ đại tự điển (漢語大字典)...

### II- PHƯƠNG PHÁP PHIÊN THIẾT

#### 1- ĐINH NGHĨA

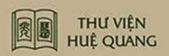
### 11- Các định nghĩa của người trước

— Sách Lễ Bộ Vận Lược (禮部韻略) của Đinh Độ (丁度) đời Tổng (宋) giải thích hai chữ phiên thiết như sau: "音韻展轉相協謂之反,亦作翻; 兩字相摩以成聲謂之切,其實一也", nghĩa là âm và vận tuần tự hợp nhau gọi là Phiên (反) cũng viết (翻); hai chữ mài cọ nhau để thành âm đọc gọi là thiết (切), thực ra phiên và thiết chỉ là một



mà thôi.

- 一 Hình Âm Nghĩa Tổng Hợp Đại Tự Điển (形音義綜合大字典) giải thích hai chữ Phiên thiết như sau: "以兩字急讀而合成一字之音曰切, 亦曰反切, 又曰切韻", nghĩa là lấy âm hai chữ đọc nhanh lại để hợp thành âm một chữ gọi là thiết, cũng gọi là phiên thiết hay thiết vận.
- Sách Văn Tự Học Toàn Yếu (文字學纂要) đã dẫn chú thích của Trịnh Huyền (鄭玄) đời Hán về chữ Phiên (反): "反, 覆也"— Phiên là lật lại; và chú thích của Cao Dụ (高 裕) đời Hán về chữ Thiết (切): "切, 摩也"— Thiết là mài cọ, rồi ghép hai chú thích này lại để đi đến định nghĩa như sau:"以二音反覆摩以成一音故名反切"— Lấy hai âm mài cọ với nhau thành một âm, ấy gọi là phiên thiết.
- 一 Từ Nguyên (辭源) định nghĩa phiên thiết như sau: "以二字之音相切而成一音也:上一字為雙聲,亦謂之母音,下一字為疊韻", nghĩa là lấy âm của hai chữ mài cọ với nhau tạo thành một âm: chữ trên là song thanh, chữ dưới là điệp vận.
- Từ Hải (辭海) định nghĩa phiên thiết như sau: "以二字之音切成一字之音之方法也", nghĩa là phương pháp lấy âm của hai chữ mài cọ thành âm của một chữ.
- Từ Vị (辭彙) của Lục Sư Thành (陸師成) định nghĩa phiên thiết như sau: "用兩個字標注字音:以上字之聲和下字之韻切成一音", nghĩa là dùng hai chữ nếu chú âm một chữ, lấy thanh (phụ âm đầu) của chữ trên và vận (vần) của chữ dưới mài cọ thành một âm.



- Hán Việt Từ Điển (漢越詞典) của Đào Duy Anh định nghĩa phiên thiết như sau: "Đem hai tiếng nói lái lại với nhau thành một tiếng khác . Vi dụ: Ha với Cam thành Ham."
- Sách Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt của Nguyễn Tài Cẩn (NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1979), trang 109 viết: "Phiên thiết nếu nói một cách nôm na thì có thể định nghĩa là cách dùng hai chữ nói lái lại, để tìm ra cách đọc của chữ thứ ba '. Ta hãy trở lại Ví dụ: Đông = Đô tông thiết. Rõ ràng là dùng hai chữ Đô và chữ Tông nói lái lại, thì sẽ tìm ra được cách đọc của Đông. Bởi vì Đông bao gồm phụ âm đầu Đ của chữ Đô cộng với vần Ông của chữ Tông."
- Sách Nghiên Cứu Về Chữ Nôm của Lê Văn Quán (NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1981), phần chú thích cuối trang 25 viết: "Phiên thiết là dùng hai chữ Hán ghép lại để ghi âm đọc của một chữ. Ví dụ: 同 = 德紅切 Đức hồng thiết = Đồng. Chữ trên đại biểu cho thanh mẫu, chữ dưới đại biểu cho vần và thanh điệu."

#### 12- Định nghĩa của bút giả

Phiên thiết là cách người xưa định ra để đọc một chữ chưa biết cách đọc. Cách đọc này gồm hai bộ phận: cách đọc âm và cách đọc thanh điệu.

### 2- PHIÊN THIẾT CÓ ÂM KHỞI ĐẦU LÀ PHỤ ÂM

#### 21- Cách đọc âm

Đọc âm là lấy âm của hai chữ để chú âm một chữ, nghĩa là lấy phụ âm đầu của chữ thứ nhất với vần của chữ thứ hai đọc nối liền lại, theo một quy tắc nhất định: quy tắc song thanh và điệp vận



— Song thanh (雙聲) là phụ âm đầu (Thanh mẫu 聲母) của chữ tìm ra giống với phụ âm đầu của chữ thứ nhất.

Vi dụ: 東 = 德紅切 - Đông = Đức Hồng thiết.

Thuyết minh: Đức, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là Đ; Đông, chữ tìm ra cũng có phụ âm đầu là Đ, nên gọi là song thanh.

— Điệp vận (疊韻) là vần (Vận mẫu 韻母) của chữ tìm ra giống với vần của thứ hai.

Vi du: 東 = 德紅切 - Đông = Đức Hồng thiết.

Thuyết minh: Hồng, chữ thứ hai có vần là ông; Đông, chữ tìm cũng có vần là ông, nên gọi là điệp vận.

#### 22- Cách đọc thanh điệu

Thanh điệu cũng có quy tắc nhất định. Quy tắc này gọi là cùng bậc, đồng loại

— Cùng bậc là thanh của chữ cần tìm ra cách đọc phải cùng bậc phù - trầm (cao - thấp) với thanh của chữ thứ nhất.

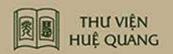
Ví dụ: 膰 = 符袁切 - Phiền = Phù Viên thiết.

Thuyết minh: Phù, chữ thứ nhất có dấu huyền thuộc bậc trầm; Phiền, chữ tìm ra có dấu huyền cũng thuộc bậc trầm nên gọi là cùng bậc.

— Đồng loại là thanh của chữ cần tìm ra cách đọc phải giống với thanh bình - khứ - thượng - nhập của chữ thứ hai.

Vi du: 膰 = 符袁切 - Phiền = Phù Viên thiết.

Thuyết minh: Viên, chữ thứ hai không dấu thuộc loại thanh bình; Phiền, chữ tìm có dấu huyền cũng thuộc loại thanh bình nên gọi là đồng loại.



# 23- Công thức bỏ dấu cho chữ cần tìm ra cách đọc

Không dấu		(0)	(0)
(0)	+	(*)	
Dấu hỏi (?)	T .	()	(0)
Dấu sắc (/)		(9	(0)
244 646 (1)	0.00		( )
Huyền (\)		(0)	()
Ngã (~)	+		(1)
Nặng (.)		()	(1)
		- V	37
Không dấu	-300	(?)	(?)
(0)	+		<i>y</i>
Dấu hỏi (?)		(~)(>)	(?)
Dấu sắc (/)			(?)
Huyền (\)		(?)	(~)
Ngã (~)	+		(~)
Nặng (.)		(~)	(~)
	,	(2)	
Không dấu (0)	+	(?)	(/)
Dấu hỏi (?)		(~)	(/)
Dấu sắc (/)		(-)	(/)
Dau sac (i)			
Huyền (\)	N/	(/)	(.)
Ngã (~)	+		(.)
Nặng (.)	1	(.)	()

Bảng tóm tắt:

1 12



Thanh Bậc	Binh	Thượng	Khứ	Nhập
Phù	(0) không dấu	(1) dấu hỏi	(/) dấu sắc	(/) dấu sắc
trầm	dấu huyền	(~) dấu ngã	(.) dấu nặng	(.) dấu nặng

Về phụ âm đầu, Vần và Thanh điệu:

Trước khi áp dụng quy tắc trên để đọc được lối phiên thiết trong các tự và từ điển Trung Quốc, chúng ta cần phải biết qua âm (thanh mẫu), vần (vận mẫu) và thanh điệu của tiếng Hán Việt.

a- Phụ âm đầu: Là bộ phận phụ khởi đầu của một âm tiết trừ đi phần vần và thanh điệu.

Căn cứ vào vị trí cấu âm, phụ âm đầu được chia làm ba loạt: Loạt phụ âm môi, loạt phụ âm lưỡi và phụ âm tắc thanh hầu.

a<sub>1</sub>- Loạt phụ âm môi: b, ph, v, m.

Vi dụ: 巴 (ba), 非 (phi), 文 (văn), 木 (mộc).

a2- Loạt phụ âm lưỡi gồm ba nhóm

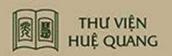
- Nhóm phụ âm đầu lưỡi: t, th, tr, s, đ, n, l, d.

Vi du: 三 (tam), 天 (thiên), 中 (trung), 生 (sinh), 年 (niên), 老 (lão), 也 (dã), 多 (đa).

- Nhóm phụ âm mặt lưỡi: ch, x, gi, nh.

Ví dụ: 主 (chủ), 春 (xuân), 甲 (giáp), 牙 (nha).

— Nhóm phụ âm gốc lưỡi: k, (c, q), kh, ng, (ngh).



Vi dụ: 旗 (kì), 姑 (cô), 軍 (quân), 可 (khả), 我 (ngã), 義 (nghĩa).

a<sub>3</sub>- Phụ âm tắc thanh hầu: h.

Vi dụ: 海 (hải).

b- Vần: Là bộ phận chủ yếu của âm tiết trừ đi thanh điệu và phụ âm đầu (nếu có). Căn cứ vào phương thức cấu tạo, chúng ta có thể chia vần ra làm hai loạt như sau:

b<sub>1</sub>- Loạt vần không có âm cuối: i, y, (uy), ia, ê (nê), u, σ, a (oa, ua), u, ô, o.

'Vi dụ: 之 (chi), 美 (mỹ), 規 (quy), 地 (địa), 細 (tế), 稅 (thuế), 四 (tứ), 初 (sơ), 个 (cá), 化 (hoá), 瓜 (qua), 夫 (phù), 古 (cổ), 儒 (nho).

b2- Loạt vần có âm cuối gồm 2 nhóm

— Nhóm vần có âm cuối là bán nguyên âm: qi (oai, uai), ơi, ôi, ây, ưu, ao. iêu (yêu).

Ví dụ: 待 (đãi), 話 (thoại), 怪 (quái), 亥 (hợi), 杯 (bôi), 西 (tây), 狗 (cầu), 久 (cửu), 高 (cao), 料 (liệu), 腰 (yêu).

Thuyết minh: i, y, o, u đứng sau các âm chính đều là bán nguyên âm cuối.

- Nhóm vần có âm cuối là phụ âm:
- \* Các vần có phụ âm cuối m/p: am, ap, âm (im), ấp, iêm (yêm), iêp.

Vi dụ: 甘 (cam), 法 (pháp), 心 (tâm), 今 (kim), 念 (niệm), 淹 (yêm), 涉 (thiệp).

Thuyết minh: m/p đứng sau các âm chính đều là phụ âm cuối.

\* Các vần có phụ âm cuối n/t: an (oan, uan), at (oat, uat),



ân (ân, uân), ât (ât, uât), ôn, ôt, iên (yên, uyên), iêt (yêt, uyêt).

Ví dụ: 安 (an), 短 (đoản), 官 (quan), 怛 (đát), 脫 (thoát), 括 (quát), 引 (dẫn), 根 (căn), 君 (quân), 乙 (ất), 瑟 (sắt), 戌 (tuất), 尊 (tôn), 沒 (một), 典 (điển), 煙 (yên), 川 (xuyên), 列 (liệt), 咽 (yết), 血 (huyết).

Thuyết minh: n/ t đứng sau các âm chính đều là phụ âm cuối.

\* Các vần có phụ âm cuối ng/c: ang, (oang, uang), ac, ăng (oăng), ăc (oăc, uăn), ung, uc, ung, uc, ong, oc, ông (uông), ôc (uôc).

Ví dụ: 邦 (bang), 皇 (hoàng), 光 (quang), 各 (các), 朋 (bằng), 弘 (hoằng), 色 (sắc), 或 (hoặc), 虢 (quắc), 恭 (cung), 目 (mục), 証 (chứng), 食 (thực), 央 (ương), 掠 (lược), 龍 (long), 捉 (tróc), 公 (công), 尪 (uông), 谷 (cốc), 國 (quốc).

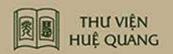
Thuyết minh: ng/c đứng sau các âm chính đều là phụ âm cuối.

\* Các vần có phụ âm cuối nh/ch: inh (uynh), ich, anh (oanh), ach (oach, uach).

Vi dụ: 丁 (đinh), 兄 (huynh), 昔 (tích), 境 (cảnh), 横 (hoành), 迫 (bách), 劃 (hoạch), 郭 (quách).

Thuyết minh: nh/ch đứng sau các âm chính đều là phụ âm cuối.

c- Thanh điệu: Là sự nâng cao hoặc hạ thấp giọng nói trong một âm tiết. Trong tiếng Hán Việt có bốn thanh: bình, thượng, khứ, nhập. Mỗi thanh có hai bậc là phù và



### trầm (hoặc thanh/trọc; thượng/hạ)

Loại	Bình	Thượng	Khứ	Nhập
Thanh	平	上	去	λ
Bậc Thanh				(có c, ch, p, t, ở cuối)
phù	ngang	hỏi	sắc 👆	sắc
浮	(không dấu)	(?)	(/)	(/)
trầm	huyền	ngã	nặng	nặng
沈	(1)	(~)	(.)	(.)

#### c1- Thanh bình

— Thanh bình bậc phù (phù bình) là những tiếng không dấu, tức thanh ngang.

Vi dụ: 阿 (a), 香 (hương), 人 (nhân).

 Thanh bình bậc trầm (trầm bình) là những tiếng có dấu huyên.

Vi dụ: 陀 (đà), 田 (điền), 神 (thần).

Ngoại lệ: Những tiếng có phụ âm đầu d, m, ng, ngh, nh, v dù không dấu (tức thanh ngang) cũng thuộc thanh bình bậc trầm.

#### c2- Thanh thượng

 Thanh thượng bậc phù (phù thượng) là những tiếng có dấu hỏi.

Vi dụ: 把 (bà), 海 (hải), 斬 (trảm).

— Thanh thượng bậc trầm (trầm thượng) là những tiếng



có dấu ngã.

Vi dụ: 母 (mẫu), 女 (nữ), 語 (ngữ).

#### c3- Thanh khứ

 Thanh khứ bậc phù (phù khứ) là những tiếng có dấu sắc.

Ví dụ: 鬥 (đấu), 放 (phóng), 進 (tiến).

— Thanh khứ bậc trầm (trầm khứ) là những tiếng có dấu nặng.

Ví dụ: 大 (đại), 在 (tại), 妄 (vọng).

#### c4- Thanh nhập

— Thanh nhập bậc phù (phù nhập) là những tiếng có phụ âm cuối là c, ch, p, t và có dấu sắc.

Vi dụ: 作 (tác), 責(trách), 答 (đáp), 節 (tiết).

 Thanh nhập bậc trầm (trầm nhập) là những tiếng có phụ âm cuối là c, ch, p, t và có dấu nặng.

Vi du: 昨 (tac), 宅 (trach), 乏 (phap), 佛 (Phật).



2	平	_	Ł.	<del>≠</del>	₹	)	~
浮	沉	浮	沉	浮	沉	浮人	沉
ba	bà	đảng	đãng	bái	bại	thấp	thập
巴	婆	党	蕩	拜	敗	濕	+
đa	đà	hải	hãi	báo	bạo	thất	thật
多	陀	海	駭	報	暴	,七	實
gia	già	hô	hỗ	tứ	tự	bách	bạch
加	伽	虎	互	四人	寺	百	白
thương	thường	tinh	tĩnh	xá	xạ	bác	bạc
商	常	省	靖	舍	射	博	亳

### 24- THỰC HÀNH

a- Hai chữ phiên thiết có cùng dấu a<sub>1</sub>- Thanh bình

- Thanh bình bậc phù:

云=于分切 — Vu phân thiết = Vân (KH¹, THĐTĐ²)

赃= 諸盈切 — Chu dinh thiết = Chinh (KH, THĐTĐ)

悼= 賓彌切 — Tân di thiết = Ti (KH, THĐTĐ)

- Thanh bình bậc trầm:



<sup>1</sup> KH: Khang Hi

<sup>&</sup>lt;sup>2</sup> THĐTĐ: Trung Hoa Đại Từ Điển

蟛=蒲衡切—Bồ hành thiết = Bành (TN³, TH⁴)

亭 = 題形切 — Đề hình thiết = Đình (TN, TH)

凡 = 符咸切 — Phù hàm thiết = Phàm (KH, THĐTĐ)

#### a2- Thanh thượng

— Thanh thượng bậc phù:

毅=所斬切 — Sở trảm thiết = Sảm (KH, THĐTĐ)

惕 = 楚絞切 — Sở giảo thiết = Sảo (KH, THĐTĐ)

瑣 = 損果切 — Tổn quả thiết = Toả (KH, THĐTĐ)

— Thanh thượng bậc trầm:

蟒 = 母朗切 — Mẫu lãng thiết = Mãng

餒=弩磊切—Nỗ lỗi thiết=Nỗi

仰=語兩切 — Ngữ lưỡng thiết = Ngưỡng

#### a<sub>3</sub>- Thanh khứ

- Thanh khứ bậc phù:

旦=得案切 — Đắc án thiết = Đán (KH, THĐTĐ, TN, TH)

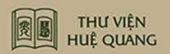
漢 = 黑按切 — Hắc án thiết = Hán (TN, TH)

痹 = 必至切 — Tất chí thiết = Tí (KH, THĐTĐ)

- Thanh khứ bậc trầm:

悢 = 力讓切 — Lực nhượng thiết = Lượng

耐=諾礙切 — Nặc ngại thiết = Nại



<sup>3</sup> TN: Từ Nguyên

⁴ TH: Từ Hải

仗 = 直亮切 — Truc lượng thiết = Trượng

#### a<sub>4</sub>- Thanh nhập

— Thanh nhập bậc phù:

答=得案切 - Đức tháp thiết = Đáp (TN, TH)

悉 = 息七切 — Tức thất thiết = Tất (KH, THĐTĐ)

責 = 側革切 — Trắc cách thiết = Trách (KH, THĐTĐ)

息 = 必即切 — Tất tức thiết = Tức (KH, THĐTĐ)

— Thanh nhập bậc trầm:

沓=惰拉切 — Đọa lạp thiết = Đạp (TN, TH)

碣 = 巨列切 — Cu liệt thiết = Kiệt (KH, THĐTĐ)

脈 = 墓獲切 — Mộ hoạch thiết = Mạch (TN, TH)

親 = 力玉切 — Lực ngọc thiết = Lộc (KH, THĐTĐ)

## b- Hai chữ phiên thiết khác dấu

#### b<sub>1</sub>- Thanh bình

- Thanh bình bậc phù:

雇=都回切 — Đô hồi thiết = Đôi (KH, THĐTĐ)

嘑 = 忽鳥切 — Hốt ô thiết = Hô (TN, TH)

乖 = 江懷切 — Cổ hoài thiết = Quai (KH, THĐTĐ)

— Thanh bình bậc trầm:

亭=特丁切 — Đặc đinh thiết = Đình (KH, TVĐTĐ5)

郿=昨何切 — Tạc hà thiết = Tà (KH)

<sup>&</sup>lt;sup>5</sup> TVĐTĐ: Trung Văn Đại Từ Điển



姓 = 齊遙切 — Tè diêu thiết = Tiều (TN, TH)

#### b2- Thanh thượng

— Thanh thượng bậc phù:

枸=居羽切 — Cu vũ thiết = Củ (TN, TH)

姬 = 止忍切 — Chi nhẫn thiết = Chẩn (KH, THĐTĐ)

皫 = 敷沼切 — Phu chiếu thiết = Phiều (KH, THĐTĐ)

愀 = 七小切 — Thất tiểu thiết = Thiểu (TN, TH)

— Thanh thượng bậc trầm:

抱=簿老切 - Bộ lão thiết = Bão (TN, TH)

語 = 偶舉切 — Ngẫu cử thiết = Ngữ (KH, THĐTĐ)

痔=丈几切 — Trượng ki thiết = Trĩ (KH, THĐTĐ)

#### b<sub>3</sub>- Thanh khứ

- Thanh khứ bậc phù:

戽=虎誤切—Hổ ngộ thiết = Hố (TN, TH)

蒯 = 苦怪切 — Khổ quái thiết = Khoái (TN, TH)

嗽 = 四候切 — Tứ hậu thiết = Tấu (TN, TH)

— Thanh khứ bậc trầm:

槥 = 胡桂切 — Hồ quế thiết = Huệ (KH, THĐTĐ)

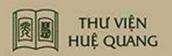
賂=洛故切—Lạc cố thiết = Lộ (KH, THĐTĐ)

唸=乃店切—Nãi điểm thiết=Niệm (KH, THĐTĐ)

召=稚耀切 — Trī diệu thiết = Triệu (TN, TH)

#### b<sub>4</sub>- Thanh nhập

- Thanh nhập bậc phù:



嘁=子答切 — Tử đáp thiết = Táp (TN, TH)

燮=蘇叶切 — Tộ hiệp thiết = Tiếp (KH, THĐTĐ)

割 = 居曷切 — Cu hạt thiết = Cát (KH, THĐTĐ)

察=初八切 -- So bát thiết = Sát (KH, THĐTĐ)

稿 = 丁歷切 — Đinh lịch thiết = Đích (KH, THĐTĐ)

咯 = 可赫切 — Khả hách thiết = Khách (TN, TH)

各=古洛切 — Cổ lạc thiết = Các (KH, THĐTĐ)

礌 = 息逐切 — Tức trục thiết = Túc (KH, THĐTĐ)

— Thanh nhập bậc trầm:

乏=扶法切—Phù pháp thiết = Phạp (TN, TH)

仡=義乞切—Nghĩa khất thiết = Ngật (TN, TH)

宅=直格切 — Trực cách thiết = Trạch (KH, THĐTĐ)

寂=前歷切 — Tiền lịch thiết = Tịch (KH, THĐTĐ)

槲 = 胡谷切 — Hồ cốc thiết = Hộc (KH, THĐTĐ)

3- PHIÊN THIẾT CÓ ÂM KHỞI ĐẦU LÀ NGUYÊN ÂM

Theo quy tắc "cách đọc âm", âm đầu của chữ thứ nhất chính là âm đầu của chữ cần tìm ra cách đọc. Nhưng trường hợp âm khởi đầu của chữ thứ nhất là một nguyên âm thì âm khởi đầu của chữ tìm ra không nhất thiết phải giống âm khởi đầu của chữ thứ nhất, mà thường là âm khởi đầu của phần vần chữ thứ hai, rồi áp dụng công thức bỏ dấu trên thì sẽ tìm ra được âm đọc của chữ mà mình muốn tìm.

31- Những chữ tìm ra âm thuộc loại thanh bình

阿=於何切—Uhà thiết = A (KH, THĐTĐ)

THƯ VIỆN HUÊ QUANG

22

阿=厄何切—Ách hà thiết = A (TN, TH)

烏=哀都切 - Ai đô thiết = Ô (KH, TVĐTĐ)

烏=汪胡切 — Uông hồ thiết = Ô (THĐTĐ)

嫣 = 衣旜切 — Y chiên thiết = Yên (TN, TH)

嫣=於虔切 — U kiền thiết = Yên (TV, THĐTĐ)

32- Những chữ tìm ra âm thuộc loại thanh thượng

隱 = 倚謹切 — Ý cẩn thiết = Ân (TN, TH)

攤=於隴切 — U lũng thiết = ủng (KH, THĐTĐ)

苑 = 於阮切 — U nguyễn thiết = Uyển (KH, TVĐTĐ)

33- Những chữ tìm ra âm thuộc loại thanh khứ

亞 = 衣駕切 — Y giá thiết = Á (TN, TH)

愛=烏代切 — Ô,đại thiết = Ái (KH, THĐTĐ)

奥=阿誥切—A cáo thiết = Áo (TN, TH)

34- Nhữngchữ tìm ra âm thuộc loại thanh nhập

浥 = 乙入切 — Ât nhập thiết = Âp (KH, THĐTĐ)

浥=衣吸切—Yhấp thiết = Ấp (TN, TH)

遏=阿葛切—A cát thiết = Át (TN, TH)

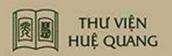
遏=鳥割切 — Ô cát thiết = Át (KH)

遏 = 阿割切 — A cát thiết = Át (THĐTĐ)

· 益=伊昔切 — Y tích thiết = Ích (KH, THĐTĐ; TN, TH)

惡 = 遏鄂切 — Át ngạc thiết = Ác (KH, THĐTĐ TN, TH)

惡=阿各切 — A.các thiết = Ác (TN, TH)



Chú ý: Những chữ tìm ra có âm khởi đầu là nguyên âm chỉ có bậc phù chứ không có bậc trầm.

4- NHỮNG CÁCH CHỦ ÂM KHÁC TRONG KHANG HI TỰ ĐIỀN, TỪ NGUYÊN, TỪ HẢI

41- Âm (音): dùng chữ đồng âm để chú âm một chữ khác

欣=音訢 — Âm hân (KH, THĐTĐ)

宫=音弓 - Âm cung (TH)

嫱=音牆 — Âm tường (TN)

42- Độc như (讀如) độc nhược (讀若): dùng tiếng gần giống để chú âm một chữ khác

媛 = 讀如愛 — Độc như ái (TH)

埔=讀如捕 — Độc như bộ (TN)

輥=讀若袞 — Độc nhược cổn (KH, TH)

43- Dùng một chữ đã biết rồi đọc ra một âm khác

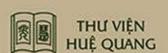
謙 = 歉平聲 — Khiếm bình thanh = Khiêm

(KH, THĐTĐ)

Khiếm (歉) là loại thanh khứ bậc phù, nay đọc ra thanh bình thì cũng phải thuộc bậc phù, vậy đọc là Khiêm (謙).

曉 = 囂上聲 — Hiêu thượng thanh = Hiểu (KH, THĐTĐ)

Hiêu (囂) là loại thanh bình bậc phù, nay đọc ra thanh thượng, thì cũng phải thuộc bậc phù, vậy đọc là Hiểu (曉)



詓=去上聲 — Khứ thượng thanh = Khử (KH, THĐTĐ)

Khứ (去) là loại thanh khứ bậc phù, nay đọc ra thanh thượng, thì cũng phải thuộc bậc phù, vậy đọc là Khử (註)

被=吞入聲 — Thôn nhập thanh = Thốt (KH, THĐTĐ)

Thôn (吞) là loại thanh bình bậc phù, nay đọc ra thanh nhập, thì cũng phải thuộc bậc phù, vậy đọc là Thốt (被).

Chú ý: Xin xem phần chuyển đổi phụ âm cuối ở sau, để hiểu rõ hơn về các trường hợp chữ thuộc thanh khác, nhưng lại được đọc thành thanh nhập.

### III- NHỮNG QUY TẮC CHÍNH TẢ KHI GHI CHỮ PHIÊN THIẾT BẰNG CHỮ VIỆT

### 1- CHUYÊN ĐỔI PHỤ ÂM ĐẦU

### 1<sub>1</sub>- Với âm đầu là /K/

Trong tiếng Việt, âm /K/ được ghi bằng ba chữ cái :

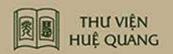
- Viết bằng K: khi sau nó là các nguyên âm i, ê,e
- Viết bằng C: khi sau nó là các nguyên âm khác không phải là i, ê,e
- Viết bằng Q: khi sau nó là âm đệm /W/ được viết bằng chữ u

#### Chuyển >K( Thành )C(

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >K<, vần của chữ thứ hai có những nguyên âm chính là a, â, u, ư, ô thì phụ âm đầu >K< phải đổi thành >C<.

傑=記蔭切 — Kí ẩm thiết = Cẩm (TN, TH)

臼 = 其九切 — Kì cửu thiết = Cữu (KH)



### 久 = 己有切 — Ki hữu thiết = Cửu (KH)

Chuyển >C( Thành >K(

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >C<, vần của chữ thứ hai có âm chính là i, ê, iê, y thì phụ âm đầu >C< phải đổi thành >K<.

雞=古兮切— Cổ hề thiết = Kê (KH, THĐTĐ)

其 = 渠之切 — Cừ chi thiết = Kì (KH, THĐTĐ)

皎=古了切— Cố liễu thiết = Kiểu (KH, THĐTĐ)

Chuyển >C( thành )Q(

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >C<, vần của chữ thứ hai có âm đệm là >O< hay >U< thì phụ âm đầu >C< phải đổi thành >Q< và âm điệm >O< đổi thành >U<.

戈=古和切— Cổ hòa thiết = Qua (KH, THĐTĐ)

官=古丸切— Cổ hoàn thiết = Quan (KH, THĐTĐ)

灌=古玩切— Cổ ngoạn thiết = Quán (KH, THĐTĐ)

Chuyển ›Q‹ Thành ›C‹

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >Q<, vần của chữ thứ hai có âm chính là >U< thì đổi >Q< thành >C<.

臞 = 權于切 — Quyền vu thiết = Cù (THĐTĐ)

Chuyển >C( Thành >GI(

伽 = 求迦切 — Cầu ca thiết = Già (KH, THĐTĐ)

伽 = 具牙切 — Cu nha thiết = Già (KH, THĐTĐ)

價=古訝切—Cổ nhạ thiết = Giá (KH)



價 = 居迓切 — Cu nhạ thiết = Giá (KH, THĐTĐ)

減 = 古斬切 — Cổ trảm thiết = Giảm (KH, THĐTĐ)

頰 = 古協切 — Cổ hiệp thiết = Giáp (KH)

類 = 吉協切 — Cát hiệp thiết = Giáp (KH, THĐTĐ)

覺 = 古嶽切 — Cổ nhạc thiết = Giác (KH)

12- Với âm đầu là /t'/ Trong tiếng Việt, âm lt'/ viết bằng the Chuyển >TH< Thành >X<

a- Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >TH< và có bậc thanh trầm, vần của chữ thứ hai có âm chính là >A< thì phụ âm đầu >TH< phải đổi thành >X<.

蛇=食遮切 — Thực cha thiết = Xà (KH)

蛇=時耶切 — Thời da thiết = Xà (TN, TH)

蛇=時遮切 — Thời cha thiết = Xà (TH)

社=常野切 — Thường dã thiết = Xã (KH, THĐTĐ)

社=市野切 — Thị dã thiết = Xã (TN, TH)

射 = 神夜切 — Thần dạ thiết = Xạ (KH, THĐTĐ)

射=食夜切—Thực dạ thiết = Xạ (TN,TH),(KH, THĐTĐ)

b- Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >TH<, vần của chữ thứ hai có âm chính là >A< và có loại thanh khứ, thì phụ âm đầu >TH< phải đổi thành >X<.

舍=試夜切—Thí dạ thiết=Xá (TH)

舍=始夜切 — Thuỷ dạ thiết = Xá (KH, THĐTĐ)

13- Với âm đầu là /ŋ/

Trong tiếng Việt, âm / dược viết bằng hai cách:



- Viết bằng ngh: khi sau nó là các nguyên âm i, ê, e
- Viết bằng ng: khi sau nó là các nguyên âm còn lại

Thêm >H < vào sau >NG < thành >NGH <

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là NG, vần của chữ thứ hai có âm chính là ê, i, iê thì chữ cần tìm ra cách đọc phải thêm >H< vào sau >NG< thành >NGH<.

霓 = 五雞切 — Ngũ kê thiết = Nghê (KH)

疑=語其切—Ngữ kì thiết=Nghi (KH)

鄴 = 魚怯切 — Ngư khiếp thiết = Nghiệp (KH)

儼 = 魚檢切 --- Ngư kiểm thiết = Nghiễm (KH)

Bo >H( sau >NGH( thành )NG(

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là NGH, vần của chữ thứ hai có âm chính là a, â, ô, u, ư thì chữ cần tìm ra cách đọc phải bỏ >H< sau >NGH< thành >NG<.

仡=義乞切—Nghĩa khất thiết = Ngật (TN, TH)

2- CHUYÊN ĐỔI ÂM ĐỆM

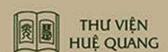
Trong tiếng Việt, âm đệm /w/ được viết bằng hai chữ cái

- Viết bằng O: khi âm chính đi sau nó là a, e, ă
- Viết bằng U: khi âm chính đi sau nó là các nguyên âm còn lại

### 21- Chuyển › U( thành ›O(

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >H<, vần của chữ thứ hai có âm đệm là >U< thì phải đổi >U< thành >O<.

煌 = 胡光切 — Hồ quang thiết = Hoàng (KH, THĐTĐ)



緩 = 胡管切 — Hồ quản thiết = Hoãn (KH, THĐTĐ)

緩 = 戶管切 — Hộ quản thiết = Hoãn (KH, THĐTĐ)

緩=合管切 — Hiệp quản thiết = Hoãn (KH, THĐTĐ)

焕=呼貫切 — Hô quán thiết = Hoán (KH, THĐTĐ)

患 = 胡慣切 — Hồ quán thiết = Hoạn (KH, THĐTĐ)

患 = 戶慣切 — Hộ quán thiết = Hoạn (KH, THĐTĐ)

### 22- Chuyển ›O‹ Thành›U‹

Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là >C<, chữ thứ hai có những vần oan, oang, oach, oat..., thì phải chuyển phụ âm đầu >C< của chữ thứ nhất thành >Q< và chuyển âm đệm >O< trong vần của chữ thứ hai thành >U<

官=古丸切—Cổ hoàn thiết = Quan (KH, THĐTĐ)

官= 沽歡切 — Cô hoan thiết = Quan (KH, THĐTĐ)

管=古緩切— Cổ hoãn thiết = Quản (KH, THĐTĐ)

廣=古晃切— Cổ hoảng thiết = Quảng (KH, THĐTĐ)

廣 = 古慌切 — Cổ hoảng thiết = Quảng TN, TH)

灌=古玩切— Cổ ngoạn thiết = Quán (KH, THĐTĐ)

灌 = 固玩切 — Cố ngoạn thiết = Quán (TN, TH)

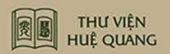
號=谷擭切— Cốc hoạch thiết = Quách (TN, TH)

聒 = 古活切Cổ hoạt thiết = Quát (KH, THĐTĐ)

#### 3- CHUYÊN ĐỘI ÂM CHÍNH

Trong tiếng Việt, âm /I/ được viết bằng hai chữ cái:

- Viết bằng Y: khi trước nó là âm đệm hoặc tên riêng



### — Viết bằng I: các trường hợp còn lại 3<sub>1</sub>- Chuyển >I ( thành > Y (

a- Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất là nguyên âm, chữ thứ hai có vần i, iêm, iên, iêu, hay iết thì đổi >I< thành >Y<.

煙=鳥前切—Ô tiền thiết = Yên (KH)

煙=衣堅切 — Y kiên thiết = Yên (TN, TH)

腰=伊消切 — Y tiêu thiết = Yêu (KH, THĐTĐ, TN, TH)

掩=衣檢切 — Y kiểm thiết = Yểm (KH, THĐTĐ)

掩=椅檢切-- Ý kiểm thiết = Yểm (TN, TH)

宴=於甸切— U điện thiết = Yến (KH)

宴=伊甸切 — Y điện thiết = Yến (KH, THĐTĐ)

謁 = 於歇切 — U hiết thiết = Yết (KH, THĐTĐ)

謁 = 乙歇切 — Át hiết thiết = Yết (TN, TH)

b- Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là K, L, M, T, chữ thứ hai chi có vần >I< chứ không có phụ âm cuối, thì đổi >I< thành >Y<

其=渠之切— Cừ chi thiết = Kỳ (KH, THĐTĐ)

離=鄰知切—Lân tri thiết = Ly (KH, THĐTĐ)

眉 = 旻悲切 — Mân bi thiết = My (KH, THĐTĐ)

畀 = 必至切 — Tất chí thiết = Tý (KH, THĐTĐ)

Chú ý: Đổi Ac thành YC ở mục này theo cách viết hiện nay không cần phải đổi.

32- Chuyển >Y( thành >I(



a- Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là B, PH, V, TH, TR, S, N, D, CH, X, KH, NH, NGH, chữ thứ hai chỉ có vần >Y< chứ không có phụ âm cuối, thì đổi >Y< thành >I<

娝=補美切 — Bổ mỹ thiết = Bi (KH, THĐTĐ)

彼=補美切 — Bổ mỹ thiết = Bi (KH, THĐTĐ)

之= 職醫切 — Chức y thiết = Chi (TN, TH)

b- Trong hai chữ phiên thiết, chữ thứ nhất có phụ âm đầu là B, PH, V, chữ thứ hai có vần >UY<, >UYÊN< thì bỏ âm đệm >U< và chuyển >Y< thành >I<

非=夫威切—Phu uy thiết = Phi (TN, TH)

圓 = 王權切 — Vương quyền thiết = Viên (KH)

圓=于權切— Vu quyền thiết = Viên (KH, THĐTĐ, TN, TH)

園 = 羽元切 — Vũ nguyên thiết = Viên (KH)

#### 4- CHUYÊN ĐỔI ÂM CUỚI

Khi dùng một chữ có loại thanh khác, đọc thành thanh nhập, thì phải đổi phụ âm cuối.

Phụ âm cuối này được chuyển đổi theo một quy tắc nhất định.

Căn cứ vào vị trí phát âm, có thể chia thành bốn vị trí để chuyển đổi:

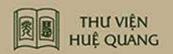
Môi với môi M-P (đèm đẹp)

Nứu với nứu N-T (kìn kịt)

Ngạc cứng với ngạc cứng NH-CH (xành xạch)

Ngạc mềm với ngạc mềm NG-C (long lóc)

41- Chuyển M( thành )P(



### 捷=潛入聲 — Tiềm nhập thanh = Tiếp (KH)

Tiềm (潛) có phụ âm cuối là >M< thuộc loại thanh bình bậc trầm, nay đọc ra thanh nhập, cũng thuộc thanh nhập bậc trầm. Phụ âm cuối là >M< đổi thành >P<, nên chữ tìm ra phải đọc là Tiệp.

### 42-Chuyển >N( thành >T(

屑 = 先入聲 — Tiâ- nhập thanh = Tiết (KH)

Tiên (先) có phụ âm cuối là >N<, thuộc loại thanh bình bậc phù, nay đọc ra thanh nhập, cũng thuộc thanh nhập bậc trù. Phụ âm cuối là >N< đổi thành >T<, nên chữ tìm ra phải đọc là Tiết.

## 43- Chuyển >NH (thành ,CH (

客=坑入聲 - Kharh nhập thanh = Khách (KH)

Khanh (坑) có phụ âm cuối là >NH<, thuộc loại thanh bình bậc phù, nay đọc ra thanh nhập, cũng thuộc thanh nhập bậc trù. Phụ âm cuối là >NH< đổi thành >CH<, nên chữ tìm ra phải đọc là Kná:...

### 44- Chuyển >NG( thành >C(

豰=烘入蜂—Hồng nhập thanh = Hộc (KH, THĐTĐ)

Hồng (烘) có phụ âm cuối là 川G‹, thuộc loại thanh bình bậc trầm nay đọc tả thanh nhập, cũng thuộc thanh nhập bậc trầm. Phụ âm cuối là ›NG‹ đổi thành ›C‹, nên chữ tìm ra phải đọc là Hộc.

### IV- NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI PHIÊN THIẾT

1- Phiên thiết của những người Trung Hoa dùng cho người Trung Hoa, chứ không phải dùng cho người Việt Nam đọc ra âm Hán Việt.



2- Trong cách đọc âm Hán Việt, có những chữ không đọc theo phiên thiết mà đọc theo thói quen của người trước.

因=於真切 — U chân thiết = Ân (KH)

因=伊真切 — Y chân thiết = Ân (KH, THĐTĐ)

因 = 衣巾切 — Y cân thiết = Ân (TN, TH)

Nhưng người trước đọc là Nhân.

-=於悉切-Utất thiết=Ât (KH, THẾTĐ)

—= 益悉切 — Ích tất thiết = Ât (KH, THĐTĐ)

一=衣悉切一Ytất thiết = Ất (KH, THĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Nhất.

比=補委切—Bổ uỷ thiết=si (Kri)

比=筆旨切 — Bút chi thiết = Bi (TN, 'f'H)

Nhưng người trước đọc là Ti.

扇=式戰切— Thức chiến uniết = Thiến (KH, THĐTĐ)

扇=試堰切— Thí yến thiết = Thiến (KH, THĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Phiến.

轟=呼宏切—Hô hoành thiết=Чanh (KH, T門TĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Oanh.

里=良已切 — Luong dī thiết = Lī (KH)

里=兩耳切 — Luỡng nhĩ thiết = Lĩ (KH, THĐTĐ)

里=離矣切—Li hī thiết = Lī (TN, TH)

Nhưng người trước đọc là Lí

陵 = 力膺切 — Luc ung thiết - Lùng (KH)



Nhưng người trước đọc là Lăng.

昇=識蒸切 — Thức chưng thiết = Thưng (KH)

昇 = 書蒸切 — Thu chung thiết = Thung (KH, THĐTĐ)

昇=詩膺切—Thi ung thiết=Thung (TN, TH)

Nhưng người trước đọc là Thăng.

勝=詩證切 - Thi chứng thiết = Thứng (KH, THĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Thắng.

矣 = 移里切 — Di lī thiết = Dī (TN, TH)

矣 = 羽已切 — Vũ dĩ thiết = Vĩ (KH, THĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Hĩ.

並 = 部迥切 — Bộ huýnh thiết = Bịnh (KH)

Nhưng người trước đọc là Tịnh

匹 = 品入聲 — Phẩm nhập thanh = Phấp (KH)

Nhưng người trước đọc là Thất.

譬=嚭去聲 — Phi khứ thanh = Phí (KH, THĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Thí.

瑟 = 所櫛切 — Sở tất thiết = Sất (KH, THĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Sắt.

今=居吟切—Cu ngâm thiết = Câm (KH, THĐTĐ)

Nhưng người trước đọc là Kim.

3- Những tiếng có phụ âm đầu d, l, m, n, ng, nh, hay v thuộc thanh bình bậc trầm, nhưng khi đọc và viết thì phải đọc và viết thành thanh bình bậc phù (tức không dấu).

\* Trừ ngoại lệ



移 = 弋支切 — Duc chi thiết = Di (KH, THĐTĐ)

離 = 呂支切 — Lữ chi thiết = Li (KH, THĐTĐ)

磨 = 莫婆切 — Mạc bà thiết = Ma (KH, THĐTĐ)

那=諾阿切—Nặc a thiết = Na (KH, THĐTĐ)

俄 = 五何切 — Ngũ hà thiết = Nga (KH, THĐTĐ)

疑=語其切—Ngữ kì thiết=Nghi (KH, THĐTĐ)

瓤=汝陽切—Nhữ dương thiết=Nhương (KH, THĐTĐ)

雩 = 羽俱切 — Vũ cu thiết = Vu (KH, THĐTĐ)

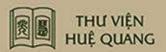
\* Ngoại lệ theo thói quen như:

寅=移鄰切 — Di lân thiết = Dân

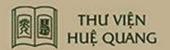
Nhưng quen đọc là Dần

理=離矣切—ly hỹ thiết=lỹ

Nhưng quen đọc là lý



Nguyện dĩ thử công đức Phổ cập ư nhất thiết Ngã đẳng dữ chúng sanh Giai cọng thành Phật đạo



# Đôi lời thưa...

Cùng quý tác giả, dịch giả và bạn đọc thân mến!

Sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần, nước Việt ta có nhiều giai đoạn huy hoàng rực rỡ, và vẫn còn là nguồn mạch un đúc nên nhiều thế hệ anh tài.

Gìn giữ di sản của những thời huy hoàng đó, người Việt mình bao phen lỗi hẹn với tiền nhân, và mãi là niềm ngậm ngùi của những người có tâm hồn hoài cổ.

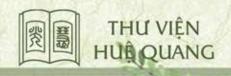
Nhằm lượm lặt đôi phần di sản còn sót lại đâu đó sau 1975, tìm chút đồng điệu nơi những người muốn phát huy vốn cổ, thư viện Huệ Quang ấn hành lại một số thư tịch trước 1975, dưới dạng ảnh ấn, cốt làm sao lưu giữ được nguyên vẹn nội dung trong cái dáng hình "khả ái" mà nó đã được sinh ra, trong một giai đoạn lịch sử đáng nhớ. Biết đâu,



trong đám rêu phong cổ kính nghe ra lời thầm thì của đá! Trong cảnh lặng lẽ tịch liêu còn đồng vọng nỗi niềm cố nhân.

Thư viên Huê Quang xin phép được in thủ công lại mỗi tác phẩm vài mươi bản trên chất liệu giấy và mực tốt, bìa và ruôt được xử lý thật cần trong đến mức có thể (thường là rõ hơn văn bản gốc) và vẫn giữ được tính nguyên bản của tác phẩm. Chúng tôi kính mong quý tác giả và dịch giả, các nhà xuất bản thời trước có tác phẩm được ảnh ấn lai hưởng ứng chương trình của thư viện Huệ Quang, và thông cảm cho trong những trường hợp chúng tôi chưa liên hệ được để xin phép. Chúng tôi cũng rất mong các Bô ngành có liên quan hỗ trơ chúng tôi trong việc GÌN GIỮ NÉT XƯA-PHÁT HUY VỐN Cũ này.

> Huệ Quang, mùa thu năm Bính Thân, 2016 Thích Không Hạnh



HHARE



THƯ VIỆN HUỆ QUANG